

Bản án số: 104/2025/DS-ST
Ngày 24 - 12 - 2025
Về "T/c Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hòe;

Ông Nguyễn Xuân Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 01/2025/TLST - DS ngày 08 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 47/2025/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 308/2025/QĐ-ST ngày 08 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V; địa chỉ: Tòa VPBank Tower, số 89 Láng Hạ, phường L, quận Đ, TP Hà Nội (nay là số 89 Láng Hạ, Phường Đống Đa, TP. Hà Nội); đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý; ông Đào Tùng L – Chuyên viên xử lý nợ; bà Nguyễn Thị Ngọc T – Chuyên viên xử lý nợ; ông Lê Văn C – Chuyên viên xử lý nợ địa chỉ: Số 108 đường T, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Công ty cổ phần M; địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Việt Á, Số 9 D, Phường C, Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T – Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T – Trưởng phòng xử lý nợ miền Bắc và bà Đặng Thị Thùy D - Chuyên viên xử lý nợ, có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Tiến T, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1984; có cùng địa chỉ tại: TDP2, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Hiện nay đều đã xuất cảnh ra nước ngoài, chưa có thông tin về nhập cảnh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt Ngân hàng) và Công ty cổ phần M (sau đây gọi tắt là “Công ty M”) trình bày:

Theo (các) Hợp đồng cho vay ký giữa V với Ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H, Ông T/ bà H đã có quan hệ tín dụng với V, cụ thể theo (các) Hợp đồng như dưới đây:

+ Hợp đồng cho vay số LN2307199767282 ngày 21/07/2023, số tiền cho vay 100.000.000 đồng.

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2307199767107 ngày 21/07/2023, số tiền cho vay 270.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, Ông Hoàng Tiến Th và bà Nguyễn Thị Thanh H đã thế chấp (các) tài sản là:

Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 327, Tờ bản đồ số: 29, tại địa chỉ: Thôn Phương H, xã Đại T, huyện B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DB612878, Số vào sổ cấp GCN: CS16044 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Quảng Bình cấp ngày 06/05/2021. Chi tiết về biện pháp bảo đảm và tài sản bảo đảm được thỏa thuận cụ thể theo Hợp đồng thế chấp công chứng số LN2307199767107/HĐTC ngày 20/07/2023. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ (các) khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn từ ngày 15/04/2024.

Ngày 30/09/2024, V đồng ý bán và Công ty cổ phần M (sau đây gọi tắt là “Công ty M”) đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa VPBank với Ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H, cụ thể như sau:

Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2307199767282 ngày 21/07/2023 và Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2307199767107 ngày 21/07/2023.

Ngày 30/11/2024, V tiếp tục đồng ý bán và Công ty cổ phần M (sau đây gọi tắt là “Công ty M”) đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa VPBank với Ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H, cụ thể như sau:

Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2307199767282 ngày 21/07/2023 và Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2307199767107 ngày 21/07/2023.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty M kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, V tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty M.

Tính đến ngày 24/11/2025, Ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H còn nợ Công ty M và V tổng số tiền, cụ thể như sau:

▪	▪	▪ Công ty M	▪ V	▪ Công ty M và V
▪ Nợ gốc	▪ :	▪ 366.300.000 đồng	▪ 3.700.000 đồng	▪ 370.000.000 đồng
▪ Nợ lãi trong hạn	▪ :	▪ 3.608.076 đồng	▪ 36.445 đồng	▪ 3.644.521 đồng
▪ Nợ lãi quá hạn	▪ :	▪ 94.353.957 đồng	▪ 953.070 đồng	▪ 95.307.027 đồng
▪ Lãi chậm trả	▪ ;	▪ 577.024 đồng	▪ 5.829 đồng	▪ 582.853 đồng
▪ Tổng cộng	▪ :	▪ 464.839.057 đồng	▪ 4.695.344 đồng	▪ 469.534.401 đồng

Quá trình xử lý khoản vay, V và Công ty M đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu Ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho V/Công ty M tuy nhiên Ông T/ bà H không thực hiện.

Vì các lẽ trên, M và V đồng khởi kiện Ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền đề nghị Quý Tòa giải quyết các nội dung sau:

+ Buộc Ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H phải thanh toán cho Công ty cổ phần M và V tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/11/2025 là: 469.534.401 đồng (trong đó, Nợ gốc: 370,000,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.644.521 đồng; Nợ lãi quá hạn: 95.307.027 đồng; Lãi chậm trả: 582.853 đồng).
Cụ thể:

+ Buộc Ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H phải thanh toán cho Công ty cổ phần M tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/11/2025 là 464.839.057 đồng (trong đó, Nợ gốc: 366.300.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.608.076 đồng; Nợ lãi quá hạn: 94.353.957 đồng; Lãi chậm trả: 577.024 đồng).

+ Buộc Ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H phải thanh toán cho VPBank tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/11/2025 là: 4.695.344 đồng (trong đó, Nợ gốc: 3.700.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 36.445 đồng; Nợ lãi quá hạn: 953.070 đồng; Lãi chậm trả: 5.829 đồng).

Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày Ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty M và V. Lãi phát sinh phải trả cho M và V tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà Ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H không trả nợ đầy đủ cho M và V thì M và V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho M và/hoặc V, cụ thể như sau:

Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 327, Tờ bản đồ số: 29, tại địa chỉ: Thôn P, xã Đại T, huyện B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DB612878, Số vào sổ cấp GCN: CS16044 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Quảng Bình cấp ngày 06/05/2021. Chi tiết về biện pháp bảo đảm và tài sản bảo đảm được thỏa thuận cụ thể theo Hợp đồng thế chấp công chứng số LN2307199767107/HĐTC ngày 20/07/2023.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, M và V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của Ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho M và/hoặc V cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

+ Ông T / bà H phải chịu án phí và các chi phí tố tụng liên quan (nếu có).

Tại Công văn số 22724/QLXNC - P3 ngày 19/11/2024, Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an cung cấp thông tin xuất nhập cảnh: Ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H đã xuất cảnh vào ngày 18/8/2023, chưa có thông tin nhập cảnh.

Tòa án đã thông báo trên Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia qua Đài tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp, niêm yết công khai Văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo trình tự về thủ tục tố tụng theo quy định; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự; người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn, ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Áp dụng Điều 318 -322, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự, Điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V và Công ty M buộc bị đơn thanh toán tổng số tiền là 469,534,401 đồng (trong đó, Nợ gốc: 370,000,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3,644,521 đồng; Nợ lãi quá hạn: 92,307,027 đồng; Lãi chậm trả: 582,853 đồng). Cụ thể: Thanh toán cho Công ty cổ phần M là: 464,839,057 đồng (trong đó, Nợ gốc: 366,300,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3,608,076 đồng; Nợ lãi quá hạn: 94,353,957 đồng; Lãi chậm trả: 577,024 đồng); Thanh toán cho V 4,695,344 đồng (trong đó, Nợ gốc: 3,700,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 36,445 đồng; Nợ lãi quá hạn: 953,070 đồng; Lãi chậm trả: 5,829 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền thi hành án cho đến khi thi hành xong. Trường hợp ông T, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì VPbank và M có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản không đủ thanh toán thì vẫn phải tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

Án phí, chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng nghĩa vụ phải thanh toán, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp.

Các bên thống nhất rằng trong trường hợp tài sản bảo đảm được xử lý thì số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm sẽ được phân chia theo tỷ lệ dư nợ đã thỏa thuận tại hợp đồng mua bán nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngân hàng V và Công ty cổ phần M khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H trả khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng. Bị đơn đã xuất cảnh ra nước ngoài chưa có thông tin nhập cảnh, căn cứ quy định khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

[1.2] Vắng mặt của đương sự: Bị đơn Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu số tiền gốc:

Hợp đồng số LN2307199767282 ngày 21/07/2023, vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn và Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2307199767107 ngày 21/07/2023, số tiền cho vay 270.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng. Ngày 21/7/2023, ông T, bà H được giải ngân và đã nhận đủ số tiền của 02 hợp đồng trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 15/4/2024, ông T, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó nguyên đơn yêu cầu khoản tiền này là có căn cứ. Như vậy, khoản nợ gốc của hai hợp đồng ông Thành, bà Huyền phải trả là 370.000.000 đồng.

[2.2] Về tiền lãi:

* Hợp đồng số LN2307199767282 ngày 21/07/2023:

Lãi suất trong hạn 12,8%/năm cố định trong 03 tháng đầu, sau đó chỉnh định kỳ 01 tháng/1 lần theo lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng cộng (+) biên độ 3,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Căn cứ Bảng tính lãi do Ngân hàng cung cấp, lãi trong hạn tính đến ngày 24/11/2025 là 900.138 đồng lãi trong hạn, lãi quá hạn 27.051.784 đồng, lãi chậm trả: 145.255 đồng. Tổng tiền lãi 28.097.177 đồng. Lãi suất cho vay được thỏa thuận giữa Ngân hàng với ông T, bà H phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, do đó lãi suất mà Ngân hàng yêu cầu được chấp nhận.

* Hợp đồng số LN2307199767107 ngày 21/07/2023:

Lãi suất trong hạn 10,8%/năm, sau đó chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần theo lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng cộng (+) biên độ 3,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Căn cứ Bảng tính lãi do Ngân hàng cung cấp, lãi trong hạn tính đến ngày 24/11/2025 là 2.744.383 đồng lãi trong hạn, lãi quá hạn 68.255.243 đồng, lãi chậm trả 437.598 đồng. Tổng tiền lãi 71.437.224 đồng. Lãi suất cho vay được thỏa thuận giữa Ngân hàng với ông Thành, bà Huyền phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, do đó lãi suất mà Ngân hàng yêu cầu được chấp nhận.

Như vậy, lãi suất của hai hợp đồng ông T, bà H còn phải trả là 99.534.401 đồng.

[2.3] Tổng số tiền gốc và lãi ông T và bà H phải trả là 469.534.401 đồng, theo tỷ lệ trả cho Ngân hàng V 01% là 4.695.344 đồng, trả cho Công ty M 99% là 464.839.057 đồng.

[2.4] Xét yêu cầu của Ngân hàng và Công ty M xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì thấy: Hợp đồng thế chấp số LN2307199767107 ngày 20/7/2022 giữa Ngân hàng với ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H được ký kết gồm: Bên thế chấp là Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H với bên nhận thế chấp là Ngân hàng, bên thế chấp đồng ý bằng toàn bộ tài sản thế chấp của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 327, Tờ bản đồ số 29 tại địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Quảng Trị (*xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình cũ*) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DB612878, số vào sổ cấp GCN: CS16044 do Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị (*Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Quảng Bình cũ*) cấp ngày 06/05/2021 bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ được hiểu bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại... tài sản thế chấp bảo đảm cho việc thực hiện tất cả các nghĩa vụ của bên được bảo đảm đối với bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các Văn kiện tín dụng đó. Hợp đồng thế chấp đã được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B tỉnh Quảng Bình cũ chứng nhận và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Xét Hợp đồng thế chấp thể hiện ý chí của ông Hoàng Tiến T, bà Nguyễn Thị Thanh H hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng đúng quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp khi bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 317 và khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự. Tài sản thế chấp được xử lý theo tỷ lệ Ngân hàng Vpbank 01% và Công ty M 99%.

[3] Từ phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử chấp thuận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn.

[4] Về chi phí thẩm định và chi phí tố tụng khác:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ số tiền 2.200.000 đồng (*hai triệu hai trăm nghìn đồng*) và chi phí đăng tin trên Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia qua Đài tiếng nói Việt Nam là 2.250.000 đồng (*hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*), tổng 4.450.000đ. Số tiền này nguyên đơn đã nộp, bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn.

Trong trường hợp bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất theo Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí:

Ông Hoàng Tiến T, bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 469.534.401 đồng là 22.781.736 đồng (20.000.000 đồng + 4% của 69.534.401 đồng) quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M.

Buộc Ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H phải thanh toán cho Công ty cổ phần M và V tổng số tiền tính đến ngày 24/11/2025 là: 469.534.401 đồng (trong đó, nợ gốc: 370.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 3.644.521 đồng; nợ lãi quá hạn: 95.307.027 đồng; lãi chậm trả: 582.853 đồng). Cụ thể:

1.1. Buộc Ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H phải thanh toán cho Công ty cổ phần M tổng số tiền tính đến ngày 24/11/2025 là 464.839.057 đồng (trong đó, nợ gốc: 366.300.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 3.608.076 đồng; nợ lãi quá hạn: 94.353.957 đồng; lãi chậm trả: 577.024 đồng).

1.2. Buộc Ông Hoàng Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh H phải thanh toán cho V tổng số tiền tính đến ngày 24/11/2025 là: 4.695.344 đồng (trong đó, nợ gốc: 3.700.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 36.445 đồng; nợ lãi quá hạn: 953.070 đồng; lãi chậm trả: 5.829 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (24/11/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số: Hợp đồng cho vay số LN2307199767282 ngày 21/07/2023 và Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2307199767107 ngày 21/07/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn

bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng và Công ty cổ phần Mars cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản:

Trường hợp ông Hoàng Tiến T, bà Nguyễn Thị Thanh H không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ nêu trên thì Ngân hàng và Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay là quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 327, Tờ bản đồ số 29 tại địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Quảng Trị (*xã Đại T, huyện B, tỉnh Quảng Bình cũ*) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DB612878, Số vào sổ cấp GCN: CS16044 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Quảng Bình cũ (*nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị*) cấp ngày 06/05/2021 theo tỷ lệ Ngân hàng TMCP V 01% giá trị tài sản và Công ty cổ phần M 99% giá trị tài sản.

3. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Hoàng Tiến T, bà Nguyễn Thị Thanh H phải hoàn trả cho Công ty cổ phần M số tiền 4.450.000 đồng (*bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và tiền chi phí đăng tin trên Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia qua Đài tiếng nói Việt Nam.

Trong trường hợp bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất theo Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ hoàn trả.

4. Về án phí:

+ Buộc ông Hoàng Tiến T, bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 22.781.736 đồng (20.000.000 đồng + 4% của 69.534.401 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.013.000 đồng (*một triệu, không trăm mười ba nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0002744 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Bình cũ (*nay là Thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Quảng Trị*).

+ Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.120.000 đồng (*chín triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0002743 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Bình cũ (*nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Quảng Trị*).

5. Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ngân hàng TMCP V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được giao hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV;
- Các đương sự (.....);
- Lưu Hồ sơ, VPTA, AVDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nguyễn Phú Quảng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Xuân Thạch
Hòa**

Nguyễn Thị

Nguyễn Phú Quảng

